BÀI GIẢNG: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI
CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ NGÀNH DỊCH VỤ
MÔN: ĐỊA LÍ 10 - KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

GIÁO VIÊN: NGUYỄN NGỌC LINH

MỤC TIÊU

- ✓ *Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành GTVT.*
- ✓ *Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành GTVT.*
- ✓ *Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành GTVT trên thế giới.*
- ✓ *Liên hệ được các hoạt động GTVT tại địa phương.*

I. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM

1 Vai trò

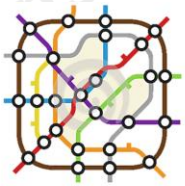
- Vai trò quan trọng:



Cung ứng vật tư



Nhu cầu di chuyển



Kết nối vùng miền



Phát triển vùng sâu, xa

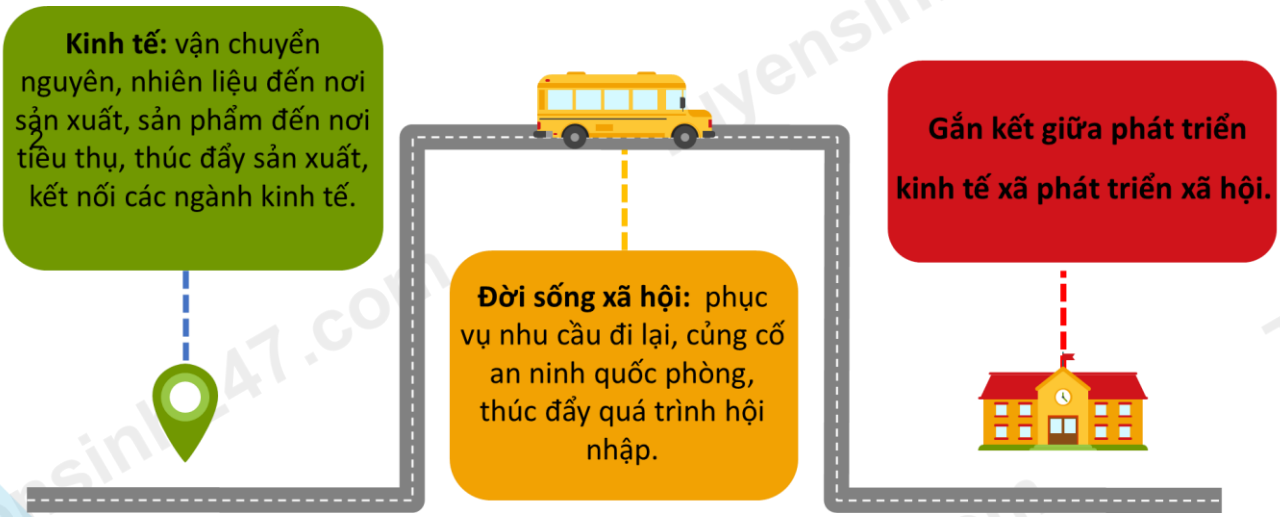


Đảm bảo an ninh



Giao lưu quốc tế

- Để phát triển kinh tế, đặc biệt ở miền núi, GTVT phải luôn đi trước một bước.
- Kinh tế - xã hội:



2 Đặc điểm

Tiêu chí đánh giá

Khối lượng vận chuyển, khối lượng luân chuyển, cự li vận chuyển trung bình.

Phân bố

Có tính đặc thù, theo mạng lưới.

Khoa học công nghệ

Làm thay đổi loại hình, chất lượng của ngành.



Đối tượng

Con người, sản phẩm vật chất con người làm ra.

Sản phẩm

Sự chuyên chở người và hàng hóa.

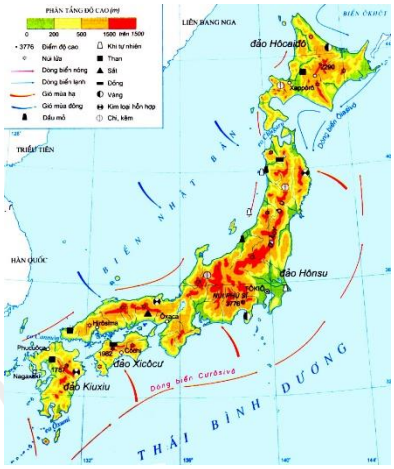
Chất lượng

Đánh giá qua độ tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, an toàn cho khách hàng và hàng hóa.

- Bài tập:
  - Khối lượng vận chuyển: 5 tấn.
  - Khối lượng luân chuyển: 5*102 = 510 tấn.km.
  - Cự li vận chuyển trung bình: 102 km.

II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ

1 Vị trí địa lí

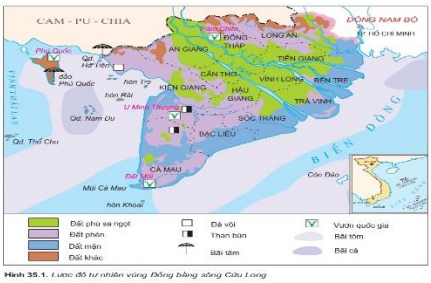


- Vị trí địa lí: Ảnh hưởng đến sự có mặt của loại hình giao thông vận tải, hình thành mạng lưới giao thông vận tải, sự kết nối giao thông vận tải bên trong và ngoài lãnh thổ.
- VD: Nhật Bản là quần đảo nằm ở Đông Á, trải ra theo 1 vòng cung, dài khoảng 3800km trên Thái Bình Dương.

→ Phát triển ngành giao thông vận tải đường biển.

2 Tự nhiên

- Tự nhiên: Ảnh hưởng đến sự lựa chọn loại hình giao thông vận tải, phân bố mạng lưới giao thông, hoạt động của các phương tiện.
- Chợ nổi ở Đồng bằng sông Cửu Long



Hình 35.1. Lược đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long



3 Kinh tế - xã hội



- Sự phát triển, phân bố ngành kinh tế và dân cư: Ảnh hưởng tới hình thành đầu mối, mạng lưới giao thông vận tải, quyết định khối lượng vận tải.
- Vốn đầu tư: quy mô, tốc độ phát triển, loại hình giao thông vận tải.
- Khoa học công nghệ: trình độ giao thông vận tải (tiện nghi, an toàn, vận tốc).

III. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ

Ngành vận tải	Tình hình phát triển	Sự phân bố
Đường ô tô	- Ưu điểm: tiện lợi, cơ động, dễ kết nối với các loại hình khác. - Tổng chiều dài: tăng không ngừng - Số lượng phương tiện tăng. - Xu hướng: phát triển phương tiện giao thông thân thiện với MT, thông minh.	- Mật độ và chiều dài khác nhau giữa các quốc gia. - 5 nước (Hoa Kỳ, TQ, ÂĐ, LBN, Bra-xin) chiếm hơn ½ tổng chiều dài đường ô tô TG.
Đường sắt	- Ra đời đầu thế kỉ XIX. - Tổng chiều dài tăng. - Tốc độ và sức vận tải tăng nhờ công nghệ. - Xu hướng: áp dụng CN, phát triển các loại hình mới bảo vệ MT.	- Phân bố không đều: Châu Âu và đông Bắc Hoa Kỳ là những nơi có mật độ đường sắt cao nhất.
Đường hàng không	- Ra đời muộn nhưng có bước phát triển mạnh mẽ. - Xu hướng: thay đổi về phương tiện, tốc độ, sự an toàn, bảo vệ MT.	- Sôi động nhất là các tuyến xuyên Đại Tây Dương và các tuyến nối Hoa Kỳ với khu vực châu Á – Thái Bình Dương. - Nhiều sân bay nhất: Hoa Kỳ, Trung Quốc
Đường biển	- Đảm nhiệm 3/5 khối lượng luân chuyển hàng hóa. - KLVC hàng hóa = công-te-nơ liên tục tăng. - Ngày càng chú ý tới bảo vệ môi trường.	- Phát triển mạnh nhất: các tuyến nối giữa châu Âu với khu vực châu Á – TBD và các tuyến nối 2 bờ Đại Tây Dương.
Đường sông, hồ	- Xuất hiện sớm. - Đang tích cực cải tạo cơ sở hạ tầng, kết nối vận tải thủy và cảng biển, ứng dụng công nghệ cao.	- Phát triển mạnh ở Mỹ, LBN, Ca-na-đa,…

ĐỀ BÀI

Câu 1: Trong giao thông vận tải, khối lượng vận chuyển được đánh giá bằng

A. cự li vận chuyển trung bình (km).
B. tốc độ di chuyển (km/h).
C. số lượt khách, số tấn hàng hoá vận chuyển.
D. số lượt khách.km hoặc số tấn hàng hoá.km.

Câu 2: Trong giao thông vận tải, khối lượng luân chuyển được đánh giá bằng

A. cự li vận chuyển trung bình (km).
B. tốc độ di chuyển (km/h).
C. số lượt khách, số tấn hàng hoá vận chuyển.
D. số lượt khách.km hoặc số tấn hàng hoá.km.

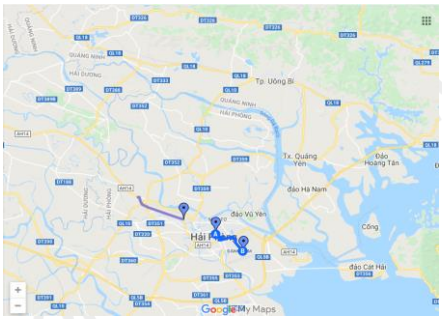
Câu 3: "Tiện lợi, cơ động, dễ kết nối với các loại hình vận tải khác" là ưu thế của ngành giao thông vận tải

A. đường ô tô.
B. đường sắt.
C. đường biển.
D. đường hàng không.

Câu 4: Trả lời câu hỏi sau:

+ Kể tên các tuyến đường, sân bay, cảng biển của Hải Phòng.

+ Em có nhận xét gì về dân cư và kinh tế các khu vực có giao thông phát triển?



Câu 5: Vẽ biểu đồ thể hiện số lượng hành khách vận chuyển đường hàng không của thế giới theo bảng số liệu dưới đây. Nhận xét.

Số lượng lượt hành khách vận chuyển đường hàng không trên thế giới, giai đoạn 2000-2019

(Đơn vị: tỉ lượt người)

Năm	2000	2010	2019
Số lượt hành khách	1.9	2.6	4.4

HƯỚNG DẪN GIẢI

Câu 1: Trong giao thông vận tải, khối lượng vận chuyển được đánh giá bằng

A. cự li vận chuyển trung bình (km).
B. tốc độ di chuyển (km/h).
C. số lượt khách, số tấn hàng hoá vận chuyển.
D. số lượt khách.km hoặc số tấn hàng hoá.km.

Cách giải:

Trong giao thông vận tải, khối lượng vận chuyển được đánh giá bằng số lượt khách, số tấn hàng hoá vận chuyển.

Chọn C.

Câu 2: Trong giao thông vận tải, khối lượng luân chuyển được đánh giá bằng

A. cự li vận chuyển trung bình (km).
B. tốc độ di chuyển (km/h).
C. số lượt khách, số tấn hàng hoá vận chuyển.
D. số lượt khách.km hoặc số tấn hàng hoá.km.

Cách giải:

Trong giao thông vận tải, khối lượng luân chuyển được đánh giá bằng số lượt khách.km hoặc số tấn hàng hoá.km.

Chọn D.

Câu 3: "Tiện lợi, cơ động, dễ kết nối với các loại hình vận tải khác" là ưu thế của ngành giao thông vận tải

A. đường ô tô.
B. đường sắt.
C. đường biển.
D. đường hàng không.

Cách giải:

"Tiện lợi, cơ động, dễ kết nối với các loại hình vận tải khác" là ưu thế của ngành giao thông vận tải đường ô tô.

Chọn A.

Câu 4: Trả lời câu hỏi sau:

+ Kể tên các tuyến đường, sân bay, cảng biển của Hải Phòng.

+ Em có nhận xét gì về dân cư và kinh tế các khu vực có giao thông phát triển?

Cách giải:

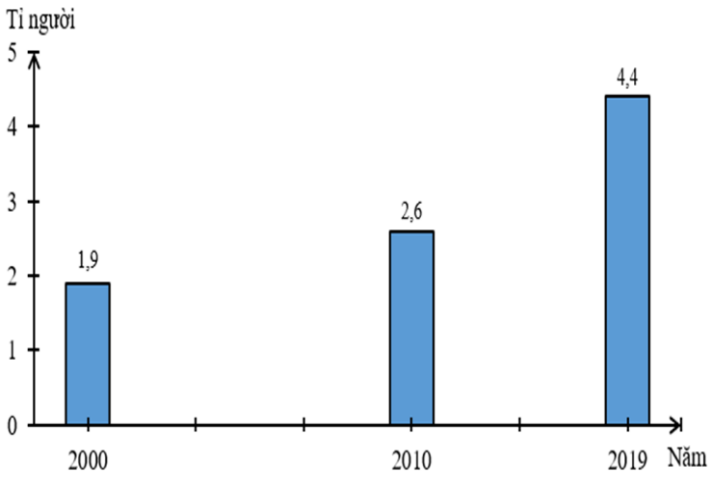
- Một số tuyến: Quốc lộ 5, cao tốc Hải Phòng – Hạ Long, sân bay Cát Bi, cảng Hải Phòng,…

- Nhận xét: Dân cư đông, mật độ cao; Kinh tế phát triển đa dạng; Dịch vụ là chủ yếu

Câu 5: Vẽ biểu đồ thể hiện số lượng hành khách vận chuyển đường hàng không của thế giới theo bảng số liệu dưới đây. Nhận xét.

Cách giải:

- Vẽ biểu đồ:



Số lượng hành khách vận chuyển bằng đường không trên thế giới, năm 2019

- Nhận xét:

Số lượt hành khách vận chuyển bằng đường hàng không tăng qua các năm, từ 1.9 tỉ lượt người năm 2000 lên 4.4 tỉ người lượt người năm 2019, tăng 2.5 tỉ lượt người, tăng gấp 2.3 lần.